

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 3 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Hùng.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thúy Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 580/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thu H, sinh năm 1984; địa chỉ ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1983; địa chỉ ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phan Thị Thu H trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, chị và anh Nguyễn Thành L sinh ngày 24/02/1983 tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 31/7/2002 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long). Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 21 năm, đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L không chí thú làm ăn, thường xuyên uống bia rượu, tham gia cờ bạc (đá gà, đánh số đề, đánh bài) ăn thua bằng tiền. Mỗi khi chị dùng lời lẽ khuyên ngăn thì anh L dùng vũ lực đánh đập chị.

Sự việc diễn ra trong thời gian dài dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc. Trước đây, giữa chị và anh L đã 03 lần sống ly thân. Mặc dù, chị đã nhiều lần tạo điều kiện cho anh L sửa đổi để vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh L vẫn không sửa đổi. Nên tháng 9/2024, chị bỏ về nhà mẹ ruột chị sống ly thân với anh L đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị và anh L có với nhau 02 người con chung tên Nguyễn Thanh S, sinh ngày 06/7/2005 và Nguyễn Quỳnh Như N, sinh ngày 04/6/2011 hiện do anh L đang trực tiếp nuôi dưỡng (BL: 08). Sau khi ly hôn, chị đồng ý giao cháu N cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của cháu N (BL: 07). Riêng cháu S đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần, đã tham gia lao động và tự nuôi sống được bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh Nguyễn Thành L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh L đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do chính đáng vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng chị H đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm; riêng anh L không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào lời trình bày của chị H, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã được Kiểm sát viên nhận định, phân tích, cùng với điều luật viện dẫn đề nghị áp dụng như trong phát biểu. Đề nghị Tòa án giải quyết:

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị H và anh L.

+ Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Giao cháu N cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng. Dành cho anh L và chị H một vụ kiện dân sự khác nếu có tranh chấp với nhau về nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu N. Riêng cháu S đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần và đã tự

lao động nuôi sống bản thân, các đương sự không có yêu cầu gì, nên không xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Các đương sự không tranh chấp yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị H phải chịu án phí giải quyết ly hôn số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ xong vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu về ly hôn và tranh chấp về nuôi con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về phạm vi xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét ngoài yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con như nhận định giải quyết tại các mốc đơn [2], [3] “*Về nội dung*”, các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3] Về thủ tục xét xử: Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Về áp dụng pháp luật nội dung: Xét thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân và gia đình, thời điểm tranh chấp ly hôn giữa các đương sự diễn ra qua nhiều thời kỳ pháp luật hôn nhân và gia đình có quy định khác nhau về độ tuổi kết hôn. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020, Tòa án áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm diễn ra những sự kiện pháp lý đó để giải quyết.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh L là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới, đủ các điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a mục 1 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc là do anh L không chí thú làm ăn, thường xuyên uống bia rượu, chơi cờ bạc ăn thua bằng

tiền, dùng vũ lực đánh đập chị H, sự việc diễn ra trong thời gian dài, nhưng anh L vẫn không sửa đổi là vi phạm nghiêm trọng tình nghĩa - nghĩa vụ vợ chồng. Chị H, anh L có thời gian sống ly thân từ tháng 9/2024 đến nay không trở về đoàn tụ. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với anh L. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L không có văn bản trình bày ý kiến phản đối hoặc đề nghị giải quyết khác đối với yêu cầu ly hôn của chị H. Căn cứ vào lời trình bày của chị H và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận hôn nhân giữa chị H và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị H và anh L.

[3] Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Xét cháu S đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần và đã tự lao động nuôi sống được bản thân, chị H không yêu cầu giải quyết; cháu N đã trên 13 tuổi hiện do anh L đang trực tiếp nuôi dưỡng, nguyện vọng của cháu N sau khi cha mẹ ly hôn là muốn được sống với anh L. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L không có văn bản trình bày ý kiến phản đối hoặc đề nghị giải quyết gì khác đối ý yêu cầu khởi kiện của chị H. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu N cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng; dành cho anh L và chị H một vụ kiện dân sự khác nếu có tranh chấp với nhau về nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu N; chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con cháu N không ai được cản trở; không xem xét, giải quyết đối với cháu S.

[4] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng tại các mốc đơn [1], [2], [3] “*Về tố tụng*” và các mốc đơn [1], [2], [3] “*Về nội dung*”, Tòa án chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H giải quyết vụ án theo hướng đã nhận định như trên.

- ***Về án phí dân sự sơ thẩm:*** Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết chị H phải chịu án phí giải quyết ly hôn số tiền 300.000 đồng, số tiền này được khấu trừ xong vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 1 và khoản 2 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020; khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 188, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Áp dụng điểm a mục 1 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23 tháng 12 năm 2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Thu H và anh Nguyễn Thành L.

2. Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Nguyễn Quỳnh Như N, sinh ngày 04 tháng 6 năm 2011 cho anh Nguyễn Thành L được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Dành cho anh Nguyễn Thành L và chị Phan Thị Thu H một vụ kiện dân sự khác nếu có tranh chấp với nhau về nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Quỳnh Như N.

2.3. Chị Phan Thị Thu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn Quỳnh Như N không ai được cản trở.

2.4. Cháu Nguyễn Thanh S đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần và đã tự lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Phan Thị Thu H phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số N_o 0014676 ngày 27 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt chị Phan Thị Thu H, vắng mặt anh Nguyễn Thành L. Báo cho chị H có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh L vắng mặt thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- CC. THADS huyện Tam Bình: 01;
- ND + BD: 02;
- UBND xã P: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

(Đã ký)

Cao Minh Tân